TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 5 – 2023
" V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long: *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐXX - ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1959 (Vắng, có đơn xin vắng mặt ngày 17/3/2023).

- *Bị đơn*: Bà **Võ Thị U**, sinh năm: 1967 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Hòa Hiệp, xã T.T.T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Ông và bà U hôn nhân hình thành là do mai mối, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T.T.T vào ngày 31/12/2002. Sau ngày cưới sống chung bên gia đình ông. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cự cải dẫn đến tình cảm phai nhạt. Ông và bà U đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà U.

- *Về con chung:* Ông và bà U không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Võ Thị U vắng mặt tại phiên Tòa, không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bảng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét thấy, nguyên đơn ông L có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Xét việc bị đơn bà U được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa ông L bà U có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa ông L bà U có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã triệu tập bà U nhiều lần, để hòa giải nhằm giúp hai bên có thời gian, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng bà U cố tình tránh né không đến Tòa án.

Từ đó, cho thấy bà U không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa ông L và bà U đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên ông L yêu cầu xin ly hôn

với bà U là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.1] Về con chung: Ông L xác định ông và bà U không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.2] Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu giải quyết. Bị đơn bà U vắng mặt không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về nợ chung: Ông L không yêu cầu giải quyết. Bị đơn bà U vắng mặt không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về án phí sơ thẩm: Ông L là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; 228; 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Võ Thị U.

2. Về con chung: Không có con chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết. Bị đơn bà Võ Thị U vắng mặt không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung phải thu, phải trả: Ông Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết. Bị đơn bà Võ Thị U vắng mặt không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị U không ai phải nộp án phí.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện V;
-Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường